

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 46/2020/ DS-ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Bùi Tư Duy

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Giáp Hồng Thanh.

* **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

* **Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐXXST- DS ngày 25/8/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐST-DS, ngày 11/9/2020 giữa:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch huyện T

Địa chỉ: Phố M, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do Ngô Minh S - Giám đốc phòng giao dịch huyện T và bà Trần Thị Kiều Tr - Nhân viên khách hàng cá nhân Phòng giao dịch huyện T đại diện theo ủy quyền. (ông S, bà Tr có mặt).

* **Bị đơn:**

- Anh Phạm Hữu Q, sinh năm 1989 (có mặt)

- Chị Lưu Thị S, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Đều cư trú: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1954 (có mặt)

- Bà Định Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

- Anh Phạm Hữu Q1, sinh năm 1992 (vắng mặt)
- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều cư trú: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

- Chị Phạm Thị Q2, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện ngày 19/12/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ - Phòng giao dịch huyện T (Sau đây viết tắt là D Bank), do bà Hoàng Thị Thu Tr - Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bắc Giang và Trần Thị Kiều Tr - Nhân viên khách hàng cá nhân Phòng giao dịch huyện T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế, năm 2017 anh Phạm Hữu Q và chị Lưu Thị S, địa chỉ: bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có vay của D Bank - Phòng giao dịch huyện T số tiền 560.000.000 đồng. Ngày 14/8/2017 các bên đã ký hợp đồng tín dụng số K.0089/117, theo hợp đồng tín dụng thì các bên có thỏa thuận, số tiền vay là 160.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hạn trả gốc, số tiền vay được trả nợ trong thời gian 48 tháng, được chia thành 48 kỳ, thời hạn trả vào ngày 14 của mỗi kỳ, mục đích vay để mua máy móc. Đảm bảo cho khoản vay trên thì hộ ông Phạm Văn B gồm ông B, bà Dịch Thị T, anh Phạm Hữu Q, anh Phạm Văn C, chị Phạm Thị Q2, anh Phạm Hữu Q1 đã ký hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017, thế chấp tài sản gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Kèm theo hợp đồng tín dụng trên là Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng anh Q, chị S đã được thông qua và ký tên. Tiếp đến ngày 15/8/2017 giữa D Bank - Phòng giao dịch huyện T với anh Q, chị S đã thỏa thuận và ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số K.0089/117-01/2017/PLHĐ, để sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số K.0089/117, theo đó bổ sung các vấn đề cụ thể gồm: số tiền vay tăng thêm là 400.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 560.000.000 đồng, lịch trả nợ gốc số tiền vay được trả nợ trong thời gian 48 tháng, được chia thành 48 kỳ, thời hạn trả vào ngày 14 của mỗi kỳ, số tiền trả là 11.670.000 đồng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 14/9/2017, tài sản đảm bảo tăng thêm là 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017 cho anh Phạm Hữu Q, biển số đăng ký 98LA-0314 được ký tại hợp đồng thế chấp số 0030/TC17 ngày 15/8/2017. Sau khi thỏa thuận và ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng thì D Bank -

Phòng giao dịch huyện T, đã giao đủ số tiền 560.000.000 đồng cho anh Q, chị S, theo ủy nhiệm chi ngày 15/8/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Q, chị S mới thanh toán tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/12/2019 là 354.428.794 đồng. Vợ chồng anh Q, chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 3/2019, đến nay vợ chồng anh Q, chị S còn nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là 302.482.660 đồng.

Nay với tư cách đại diện theo ủy quyền của D Bank, bà Tr đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Phạm Hữu Q, chị Lưu Thị S có trách nhiệm thanh toán trả D Bank số tiền 302.482.660 đồng và yêu cầu vợ chồng anh Q, chị S tiếp tục phải trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong.

Trong trường hợp vợ chồng anh Q, chị S không thanh toán được số tiền nêu trên thì D Bank yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/10/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn B theo hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017 và 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017 cho anh Phạm Hữu Q, biển số đăng ký 98LA-0314, theo hợp đồng thế chấp số 0030/TC17 ngày 15/8/2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của D Bank là ông S, bà Tr có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2020 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Phạm Hữu Q trình bày:

Ngày 14/8/2017 anh có ký hợp đồng tín dụng số K.0089/117, đến ngày 15/8/2017 anh tiếp tục ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số K.0089/117-01/2017/PLHĐ để vay vốn của D Bank với số tiền là 560.000.000 đồng, khi ký hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất là 12%/ năm, thời hạn vay là 48 tháng, lịch trả nợ gốc số tiền vay được trả nợ trong thời gian 48 tháng, được chia thành 48 kỳ, thời hạn trả vào ngày 14 của mỗi kỳ, số tiền trả là 11.670.000 đồng gốc/ 01 kỳ, tài sản thế chấp cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/10/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn B và 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017, anh đã nhận đủ số tiền 560.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền anh đã đầu tư vào mua máy công trình để hoạt động, nhưng do làm

các công trình bị nợ đọng vốn nhiều nên từ tháng 3/2019 anh không trả đúng hạn cho D Bank như đã thỏa thuận nên một phần tiền nợ gốc của anh đã chuyển thành nợ quá hạn.

Nay anh đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của D Bank, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đề nghị được trả dần số tiền trên nếu không trả được số tiền trên thì anh đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp.

Tại phiên tòa anh Q có mặt và giữ nguyên ý kiến trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2020 bị đơn chị Lưu Thị S trình bày:

Chị là vợ của anh Phạm Hữu Q, chị có được ký hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Khi ký hợp đồng tín dụng thì các bên có thỏa thuận với nhau về thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả nợ, tài sản đảm bảo như anh Q trình bày là đúng. Chị xác định số tiền ghi trong hợp đồng vợ chồng chị đã được nhận đủ. Nay kinh tế của vợ chồng chị gặp nhiều khó khăn nên chị đề nghị được trả dần số tiền trên. Nếu say này vợ chồng chị không trả được cho D Bank thì chị đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp.

Tại phiên tòa chị S vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn B trình bày:

Anh Phạm Hữu Q là con trai của ông, việc vợ chồng anh Q vay số tiền 560.000.000 đồng của D Bank thì ông có biết, mục đích vay tiền của anh Q là mua máy móc để đi làm các công trình, khi anh Q vay tiền của D Bank thì có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/10/2001. Khi thế chấp tài sản trên thì ông cùng vợ là bà T và các con là Q, C, Q1, Q2 đã ký vào vào hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017. Sau khi ký hợp đồng thì các bên đã đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y để đăng ký thế chấp. Đến nay do anh Q đi làm công trình chưa thu được tiền công nên chưa trả được tiền cho D Bank đúng hạn, do đó D Bank đã khởi kiện.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết để cho vợ chồng anh Q trả dần số tiền trên, nếu vợ chồng anh Q không trả được số tiền trên thì ông nhất trí phát mại tài sản là thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất mà ông đã thế chấp.

Tại phiên tòa ông B có mặt và giữ nguyên ý kiến trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Địch Thị T trình bày: Bà nhất trí với trình bày của ông B về nội dung đã thế chấp. Nay D Bank khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q trả số tiền trên thì bà đề nghị để gia đình bà cùng thu xếp trả dần số tiền trên. Nếu sau này không trả được thì bà đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp.

Tại phiên tòa bà T vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn C, chị Phạm Thị Q2, anh Nguyễn Hữu Q1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh C, chị Q2, anh Q1 không đến Tòa án làm việc và không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Văn C, chị Phạm Thị Q2, anh Nguyễn Hữu Q1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Phạm Hữu Q, chị Lưu Thị S phải có nghĩa vụ trả cho D Bank Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc và lãi suất phát sinh tính đến hết ngày 30/9/2020 là 302.482.660 đồng.

Trường hợp anh Q, chị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho D Bank thì D Bank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện kê biên, phát mại tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/10/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn B theo hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017 và 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017 cho anh Phạm Hữu Q, biển số đăng ký 98LA-0314, theo hợp đồng thế chấp số 0030/TC17 ngày 15/8/2017.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí, quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang, nhưng trong hợp đồng tín dụng, tại điểm b mục 13 thì các bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở của Phòng giao dịch T, việc thỏa thuận trên là phù hợp. Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Chị S là bị đơn trong vụ án, bà T, anh C, anh Q1, chị Q2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[3]. Về quyền khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng thì thời hạn trả nợ đến ngày 14/8/2021. Nhưng tại mục 10 trong hợp đồng có quy định về phân kỳ trả nợ vào hàng tháng, kèm theo hợp đồng tín dụng là điều khoản và điều kiện cấp tín dụng anh Q chị S đều được ký tên có quy định: tại điểm e, khoản 1 Điều 4 quy định: *“Trường hợp bên vay không thanh toán đúng hạn nợ gốc, nợ lãi và không được Ngân hàng gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn hoặc thời hạn gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn đã kết thúc thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ kể cả phần dư nợ chưa đến hạn sang nợ quá hạn để phân loại nợ ...”*, Tại Điều 7 quy định về thu hồi nợ trước hạn, tại điểm e quy định: *“bên vay hoặc bên bảo đảm vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, điều khoản này, hợp đồng đảm bảo hoặc các thỏa thuận khác giữa hai bên...”*. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện vợ chồng anh Q, chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 3/2019. Như vậy, D Bank khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị S trả toàn bộ số nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[3]. Về số tiền nợ và lãi suất giữa D Bank với vợ chồng anh Q, chị S thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay, D Bank yêu cầu vợ chồng anh Q, chị S trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số K.0089/117, ngày 14/8/2017 với số tiền gốc là 248.692.819 đồng, lãi tính đến ngày 30/9/2020 gồm: lãi trong hạn là 37.076.742 đồng, lãi quá hạn là 16.713.099 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q, chị S thừa nhận còn nợ số tiền trên, tại phiên tòa hôm nay anh Q thừa nhận còn nợ số tiền gốc 248.692.819 đồng, lãi trong hạn là 37.076.742 đồng, lãi quá hạn là 16.713.099 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định vợ chồng anh Q, chị S còn nợ D Bank số tiền 248.692.819 đồng, lãi trong hạn là 37.076.742 đồng, lãi quá hạn là 16.713.099 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Q, chị S phải trả cho D Bank số tiền gốc và lãi là 302.482.660 đồng.

[4]. Đối với hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017 giữa hộ gia đình ông B với D Bank, thế chấp tài sản gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y cấp cho hộ ông Phạm Văn B ngày 12/10/2001. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ ông B gồm có ông B, bà T, anh Q, anh Q1, anh C, chị Q2. Tại hợp đồng thế chấp thể hiện ông B, bà T, anh Q, anh Q1, anh C, chị Q2

đều ký vào hợp đồng trên. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q1, anh C, chị Q2 không trình bày ý kiến về hợp đồng thế chấp trên, nhưng ông B thừa nhận chị Q2, anh Q1, anh C có được ký vào hợp đồng thế chấp. Sau khi ký Hợp đồng thế chấp thì đã được công chứng và đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y. Qua xem xét tại chỗ thì tài sản thế chấp trên không có biến động gì.

Đối với hợp đồng thế chấp số 0030/TC17 ngày 15/8/2017, giữa vợ chồng anh Q, chị S với D Bank, thế chấp tài sản là 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017 cho anh Phạm Hữu Q. Tại hợp đồng thế chấp anh Q, chị S thừa nhận tài sản trên thuộc quyền sở hữu của mình và anh Q, chị S đều ký vào hợp đồng thế chấp. Hợp đồng trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội. Như vậy hợp đồng thế chấp trên đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định.

Từ những chứng cứ trên thấy các Hợp đồng thế chấp trên có nội dung và hình thức đảm bảo đúng quy định tại Điều 317 Bộ luật dân sự và Điều 188 Luật đất đai. Vì vậy, trong trường hợp anh Q, chị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho D Bank thì D Bank yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp là phù với thỏa thuận của các bên ghi trong hợp đồng và phù hợp với Điều 323 Bộ luật dân sự.

[6]. Về án phí: anh Q, chị S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

[7]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án D Bank đã yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp và nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Hội đồng xem xét thẩm định đã chi phí hết 1.000.000 đồng. Do yêu cầu phát mại tài sản được chấp nhận nên anh Q, chị S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải hoàn trả cho D Bank số tiền tạm ứng trên.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 158, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch T.

Buộc vợ chồng anh Phạm Hữu Q, chị Lưu Thị S phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch T số tiền nợ gốc là 248.692.819 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm mười chín đồng) và tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2020 là 53.789.841 đồng (Năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi một đồng). Tổng số là 302.482.660 đồng (Ba trăm linh hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 30/9/2020, anh Q, chị S phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay lãi, thì lãi suất mà anh Q, chị S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Q, chị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch T thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện kê biên, phát mại tài sản thế chấp, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 22, diện tích 500 m² đất ở và 6.213 m² đất vườn, địa chỉ thửa đất bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 767717, do UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/10/2001, đứng tên hộ ông Phạm Văn B theo hợp đồng thế chấp số 0029/TC17 ngày 14/8/2017 và 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu DOOSAN, do Hàn Quốc sản xuất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 61/17/XMCD do Sở giao thông vận tải cấp ngày 14/8/2017 cho anh Phạm Hữu Q, biển số đăng ký 98LA-0314, theo hợp đồng thế chấp số 0030/TC17 ngày 15/8/2017.

3. Về án phí: Vợ chồng anh Phạm Hữu Q, chị Lưu Thị S phải chịu 15.124.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả D Bank số tiền 8.121.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006236 ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng anh Phạm Hữu Q, chị Lưu Thị S phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Phòng giao dịch T số tiền 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy